

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Thanh lý vật tư thiết bị điện phế liệu, ứ đọng, chậm luân chuyển và cấp
vụn lẻ đợt 02 năm 2022 (lần 3)**

**GIÁM ĐỐC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH**

Căn cứ Quyết định số 1184/QĐ-HĐTV ngày 31/8/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác quản lý kỹ thuật trong Tập đoàn Điện lực quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 28/01/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về ban hành Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Biên bản số 261/TCKT ngày 14/12/2022 về họp hội đồng thanh xử lý vật tư thiết bị điện phế liệu, ứ đọng, chậm luân chuyển và cấp vụn lẻ đợt 2 năm 2022 (lần 3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thanh lý lô vật tư thiết bị điện phế liệu, ứ đọng, chậm luân chuyển và cấp vụn lẻ đợt 02 năm 2022 (lần 3) gồm các mặt hàng (Đính kèm bảng giá khởi điểm VTTB thanh lý) như sau:

- **Giá khởi điểm (gồm thuế GTGT) là: 2.100.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm triệu đồng).

- **Hình thức thanh lý:** Thanh lý bán đấu giá rút gọn.

Điều 2. Các ông Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch & Vật tư, Trưởng phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kiểm tra Thanh tra & Pháp chế căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Hùng

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH

BẢNG GIÁ KHỞI ĐIỂM
LÔ VẬT TƯ THIẾT BỊ THANH XỬ LÝ ĐỢT 02.2022 (LẦN 3)

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
I	VẬT TƯ PHỄ LIỆU				
1	Sắt phế liệu	Kg	6.289,10		
2	Nhôm phế liệu các loại	Kg	12,00		
3	Trụ bê tông vuông 1-3m	Trụ	7,00		
4	Trụ bê tông vuông 4m	Trụ	3,00		
5	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 7.5m	Trụ	1,00		
6	Trụ bê tông vuông 4,5 mét	Cái	3,00		
7	Trụ bê tông vuông 5,5 mét	Cái	5,00		
8	Trụ BTLT DUL 6,5m-230kgf	Trụ	10,00		
9	Trụ BTLT 6,5M 150kgf	Cái	4,00		
10	Trụ bê tông vuông 10,5m	Trụ	1,00		
11	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	20,00		
12	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	1,00		
13	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	6,00		
14	Trụ BTLT 12m	Trụ	4,00		
15	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	6,00		
16	Trụ BTLT CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	52,00		
17	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	2,00		
18	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	10,00		
19	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	1,00		
20	Trụ BTLT CẮT GÓC 11-12 MÉT	Trụ	3,00		

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
21	TRỤ BT VUÔNG CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	2,00		
22	Trụ BT vuông cắt góc 11-12 mét	Trụ	3,00		
23	TRỤ BT VUÔNG CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	1,00		
24	TRU BT VUÔNG CẮT GÓC 7-8MÉT	Trụ	20,00		
25	Sứ ống chỉ	Cái	28,00		
26	Sứ đứng 24kV	Cái	275,00		
27	Sứ đứng 24KV Polymer	Cái	17,00		
28	Sứ treo 24kV polymer	Cái	44,00		
29	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	13,00		
30	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	14,00		
31	Sứ treo thủy tinh 120kN	Bộ	77,00		
32	Cách điện treo Polymer 24kV 120kN	Cái	37,00		
33	Cáp đồng trần xoắn C25mm2	Kg	13,50		
34	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	805,90		
35	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	4.442,50		
36	Cáp nhôm trần lõi thép AC 95mm2	Kg	728,10		
37	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185/29 mm2	Kg	13.062,00		
38	Cáp nhôm trần lõi thép AC 240/32 mm2	Kg	79,80		
39	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm2	Kg	9,50		
40	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm2	Kg	80,00		
41	Cáp đồng bọc hạ thế CV 22mm2	Kg	15,18		
42	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	Kg	4,55		
43	Cáp đồng bọc hạ thế CV 14mm2	Kg	11,00		
44	Cáp đồng bọc hạ thế CV 35mm2	Kg	2,80		
45	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm2	Kg	38,57		

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
46	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm2	Kg	32,00		
47	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	Kg	11,95		
48	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	Kg	1,50		
49	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	Kg	20,00		
50	Cáp duplex DuCV 2x10mm2	Kg	10,00		
51	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm2	Kg	595,80		
52	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x10mm2	Kg	279,00		
53	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	Kg	2,00		
54	Cáp Muller 2x25mm2	Kg	29,88		
55	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x35mm2	Kg	135,20		
56	Cáp Điện kế - Muller (CVV) 3X35 +1X25mm2	Kg	17,00		
57	Cáp Cu/PVC/PVC S 2x4mm2 - 0.6/1kV	Kg	2,00		
58	Cáp nhị thứ thu hồi các loại	Kg	440,00		
59	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 11mm2	Kg	266,00		
60	Dây nhôm bọc đơn 30/10	Kg	79,00		
61	Cáp AV 14mm2 thu hồi	Kg	59,30		
62	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm2	Kg	7.092,60		
63	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm2	Kg	11.062,50		
64	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm2	Kg	5.186,50		
65	Các duplex nhôm 2x6mm2	Kg	7,00		
66	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x50mm2	Kg	10,00		
67	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm2	Kg	313,00		
68	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm2 - Thu hồi	Kg	22,70		
69	Cáp đồng bọc 24kV CXV(CR) 25mm2	Kg	27,92		
70	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 35mm2 thu hồi	Kg	5,50		

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
71	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm2	Kg	5,20		
72	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 150mm2 thu hồi	Kg	2,70		
73	Cáp đồng bọc 24kV CXV(CR) 185mm2	Kg	9,80		
74	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 185mm2	Kg	35,10		
75	Kẹp quai các loại	Cái	19,00		
76	Kẹp quai 2/0	Cái	38,00		
77	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	60,00		
78	Cầu chì tự rơi (LBFCO) các loại	Cái	22,00		
79	Dao cách ly (DS) 1P 24KV 600A	Bộ	3,00		
80	DS các loại	Cái	2,00		
81	Dao cách ly 110kV	Bộ	14,00		
82	LTD 24KV 630A	Cái	3,00		
83	Máy cắt 110kV	Bộ	2,00		
84	Chống sét van (LA) 15KV-10KV	Cái	6,00		
85	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	15,00		
86	Chống sét van (LA) các loại	Cái	65,00		
87	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	2,00		
88	MCB các loại PL	Cái	1.665,00		
89	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	3,00		
90	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	12,00		
91	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	12,00		
92	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	34,00		
93	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực các loại	Cái	9,00		
94	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	18,00		
95	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	48,00		

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
96	Biến điện áp (TU) 8400-12000/120V	Cái	22,00		
97	Điện kế cơ 1P thu hồi các loại	Cái	2.887,00		
98	Điện kế 3P cơ thu hồi các loại	Cái	114,00		
99	Điện kế điện tử 3 pha các loại (Đã tháo bo mạch điện tử)	Cái	6,00		
100	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại (Đã tháo bo mạch điện tử)	Cái	1.105,00		
101	Thùng COMPOSIT các loại	Cái	363,00		
102	Tivi các loại (Đã tháo bo mạch điện tử)	Cái	1,00		
103	Motor	Cái	1,00		
104	Màn hình vi tính phế thải (Đã tháo bo mạch điện tử)	Cái	11,00		
105	CPU phế liệu (Đã tháo bo mạch điện tử)	Cái	8,00		
106	Nhựa các loại	Kg	0,80		
II	VẬT TƯ Ứ ĐỘNG, CHẠM LUÂN CHUYÊN				
1	Đà sắt mạ kẽm L75x75x8 - 2m 3 ốp loại A (lệch 2/3)	Cái	6		
2	Đà sắt đỡ thẳng V75x75x8-2000MM (XIT)	Bộ	1		
3	Collier các loại	Bộ	70		
4	collier phi 195	Bộ	2		
5	Cầu chì tự rơi (LBFCO) 15/27KV 200A Polymer	Cái	5		
6	Cầu dao tự động (CB) 1 cực 600V 80A	Cái	1		
7	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 75A	Cái	1		
8	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 125A	Cái	3		
9	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 125A	Cái	1		
10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 225A	Cái	1		
11	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	1		
12	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	3		
13	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	1		

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
14	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1000A	Cái	1		
15	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	7		
16	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	4		
17	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 175A	Cái	2		
18	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	3		
19	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	1		
20	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	1		
21	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	1		
22	Móng neo 600x1500	Cái	2		
23	Sắt Potelet V50x50x5 - 2500mm	Cái	27		
24	Cáp nhôm trần lõi thép dây ACSR 240/32	Mét	443,4		
25	Cáp nhôm trần lõi thép AC 410/51mm ²	Mét	20		
26	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 120mm ²	Cái	121		
27	Ống nối căng dây nhôm lõi thép (ACSR) 150mm ²	Cái	76		
28	Móc treo chữ J	Cái	34		
29	Cầu dao 1 pha 600V-30A	Cái	1		
30	CB 2P 400V 32A + vỏ hộp	Bộ	24		
31	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A + vỏ hộp	Cái	22		
32	Domino nhựa	Cái	1		
33	Bu lông 4x60	Cái	81		
34	Bu lông xoắn 12x200	Cái	2		
35	Lông đèn tròn ĐK 12	Cái	310		
36	bu lông inox 10x40+lông đèn	Cái	257		
37	Giáp buộc cổ sứ đơn dây bọc 50mm ²	Cái	7		
38	Giáp buộc cổ sứ đôi composite cho dây nhôm bọc 120mm ²	Bộ	15		

STT	Tên và quy cách VTTB	Đvt	Số lượng	Giá trị khởi điểm gồm VAT (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	4	5
39	Giáp núu cho dây cáp nhôm bọc 300mm2	Cái	3		
40	Giáp buộc cổ sứ đơn composite cho dây nhôm bọc 240mm2	Bộ	19		
41	Nối giảm ống nhựa 90/27	Cái	183		
III	CÁP VUN LẺ				
1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 14mm2	Mét	5,4		
2	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	Mét	5,5		
3	Cáp đồng bọc hạ thế CV 300mm2	Mét	1,5		
4	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 240mm2	Mét	23		
5	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm2	Mét	1		
6	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 2x95mm2	Mét	23		
7	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 3x50mm2	Mét	6		
8	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x95mm2	Mét	7		
9	Cáp nhôm bọc vắn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm2	Mét	27		
10	Cáp Cu/XLPE/PVC 24KV 185MM2	Mét	2,5		
11	Cáp Cu/PVC/PVC-S 12x2,5mm2	Mét	16		
12	Cáp duplex DuCV 2x22mm2	Mét	6,5		
13	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm2	Mét	21		
14	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	Mét	13		
15	Cáp Cu/PVC/PVC 4x4 mm2-0.6/1kV	Mét	0,5		
16	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm2	Mét	1,1		
Tổng giá khởi điểm (đã bao gồm thuế GTGT)				2.100.000.000	

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ một trăm triệu đồng./.